

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP
DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Xuân Lũng	Chủ tịch
Ông Phùng Tuấn Hà	Ủy viên
Ông Phạm Quang Huy	Ủy viên
Ông Trần Minh Hoàng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2013)
Bà Lê Thị Chiến	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2013)
Ông Nguyễn Sĩ Đàm	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2013)
Ông Lê Thuận Khương	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phùng Tuấn Hà	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Tiến Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Hồng Diệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Sĩ Long	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phùng Tuấn Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Số: *LC7* /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 12 tháng 8 năm 2013, từ trang 4 đến trang 36. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0042-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 8 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0891-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.108.120.256.449	3.653.796.151.783
(100=110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.306.815.617.061	1.129.910.129.741
1. Tiền	111		211.015.261.609	291.383.755.869
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.095.800.355.452	838.526.373.872
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.376.791.095	18.376.791.095
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	49.900.000.000	49.900.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	7	(31.523.208.905)	(31.523.208.905)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.201.307.209.640	1.299.536.975.284
1. Phải thu khách hàng	131		961.655.955.484	1.006.604.762.322
2. Trả trước cho người bán	132		30.780.144.817	216.481.346.136
3. Các khoản phải thu khác	135	8	230.173.453.838	96.603.783.020
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(21.302.344.499)	(20.152.916.194)
IV. Hàng tồn kho	140	9	1.293.451.967.056	1.024.471.422.107
1. Hàng tồn kho	141		1.309.169.325.012	1.042.742.250.694
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(15.717.357.956)	(18.270.828.587)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		288.168.671.597	181.500.833.556
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.987.111.955	2.400.557.454
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		275.331.923.392	172.195.337.932
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		939.852.927	113.520.964
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		7.909.783.323	6.791.417.206
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		588.344.034.910	612.852.087.962
(200=220+250+260)				
I. Tài sản cố định	220		277.759.881.204	308.785.645.486
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	154.902.639.156	172.253.988.303
- Nguyên giá	222		335.654.961.889	347.759.292.547
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(180.752.322.733)	(175.505.304.244)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	103.290.215.663	119.459.744.589
- Nguyên giá	228		105.979.915.057	121.916.073.849
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.689.699.394)	(2.456.329.260)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	19.567.026.385	17.071.912.594
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		36.078.526.406	37.611.862.007
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	34.078.526.406	35.611.862.007
2. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258		2.000.000.000	2.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		274.505.627.300	266.454.580.469
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	266.412.092.207	259.062.096.439
2. Tài sản dài hạn khác	268		8.093.535.093	7.392.484.030
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		4.696.464.291.359	4.266.648.239.745

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		3.287.158.622.555	2.936.239.178.771
I. Nợ ngắn hạn	310		3.241.323.550.859	2.889.929.815.099
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	2.041.763.973.087	1.417.697.056.351
2. Phải trả người bán	312		815.199.986.969	820.257.149.427
3. Người mua trả tiền trước	313		43.061.641.596	326.958.331.216
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	47.037.079.028	59.069.936.942
5. Phải trả người lao động	315		50.967.169.303	108.418.177.670
6. Chi phí phải trả	316		37.248.417.464	8.121.828.868
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	144.688.327.297	79.518.002.129
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		61.356.956.115	69.889.332.496
II. Nợ dài hạn	330		45.835.071.696	46.309.363.672
1. Phải trả dài hạn khác	333		44.341.626.714	46.309.363.672
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.493.444.982	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.265.864.434.364	1.241.214.005.483
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	1.265.864.434.364	1.241.214.005.483
1. Vốn điều lệ	411		698.420.000.000	698.420.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		160.547.109.964	128.358.940.301
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	42.911.651.986
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	(9.150.605.990)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		94.421.978.689	95.775.705.900
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		43.492.451.257	580.799.271
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		268.982.894.454	284.317.514.015
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	20	143.441.234.440	89.195.055.491
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		4.696.464.291.359	4.266.648.239.745

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	30/6/2013	31/12/2012
1. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	773.675	2.435.478
- EURO (EUR)	105	105
- Bảng Anh (GBP)	205	205

Cao Thanh Hùng
Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Đào Văn Đại
Kế toán trưởngPhùng Tuấn Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5.575.875.434.431	5.353.603.981.396
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		114.665.063.645	147.288.065.146
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		5.461.210.370.786	5.206.315.916.250
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		5.101.131.986.994	4.804.635.333.180
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		360.078.383.792	401.680.583.070
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	44.375.968.086	23.206.423.018
7. Chi phí tài chính	22	24	60.611.223.895	70.198.941.533
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		46.678.300.306	55.657.306.670
8. Chi phí bán hàng	24		97.115.822.860	115.081.323.646
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		100.951.996.326	97.093.843.217
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		145.775.308.797	142.512.897.692
11. Thu nhập khác	31		10.276.767.850	11.685.924.382
12. Chi phí khác	32		2.296.728.226	3.889.522.550
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		7.980.039.624	7.796.401.832
14. Lãi trong công ty liên kết	45		436.769.530	1.021.587.392
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		154.192.117.951	151.330.886.916
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	40.560.413.549	48.030.377.839
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		113.631.704.402	103.300.509.077
Trong đó:				
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		21.129.226.895	7.767.071.499
Lợi ích của cổ đông của Tổng Công ty	62		92.502.477.507	95.533.437.578
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.336	1.383



Cao Thanh Hùng
Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2013



Đào Văn Đại
Kế toán trưởng



Phùng Tuấn Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>154.192.117.951</i>	<i>151.330.886.916</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	15.776.835.924	21.722.728.640
Các khoản dự phòng	03	(1.404.042.326)	23.319.433.456
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	951.672.863	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(41.623.803.669)	(10.312.277.297)
Chi phí lãi vay	06	46.678.300.306	55.657.306.670
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>174.571.081.049</i>	<i>241.718.078.385</i>
Biến động các khoản phải thu	09	110.827.079.257	86.312.568.236
Biến động hàng tồn kho	10	(264.508.720.698)	(18.124.920.697)
Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(258.756.204.137)	(149.632.126.102)
Biến động chi phí trả trước	12	(117.981.349.044)	(2.326.910.349)
Tiền lãi vay đã trả	13	(45.163.091.753)	(56.526.870.008)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(53.038.842.198)	(44.498.735.830)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(8.594.113.873)	(16.130.792.741)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>(462.644.161.397)</i>	<i>40.790.290.894</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.672.739.912)	(17.690.580.073)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	153.879.592	610.203.157
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(19.323.284.339)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	28.378.957.704	121.360.200.000
5. Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27	20.332.372.180	4.999.260.468
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>44.192.469.564</i>	<i>89.955.799.213</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu (i)	31	41.338.775.653	-
2. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.771.834.831.597	2.851.825.741.496
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.147.767.914.861)	(2.577.036.365.047)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(70.048.513.236)	(124.295.616.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>595.357.179.153</i>	<i>150.493.760.449</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	<i>50</i>	<i>176.905.487.320</i>	<i>281.239.850.556</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.129.910.129.741	363.906.568.157
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	1.306.815.617.061	645.146.418.713

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

- (i) Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Tổng Công ty đã bán toàn bộ cổ phiếu quỹ tương ứng với 788.880 cổ phần, số tiền thu được từ giao dịch này là 14.709.718.303 VND. Bên cạnh đó, thặng dư vốn cổ phần phát sinh trong kỳ với số tiền là 26.629.057.350 VND khi Công ty Cổ phần Phân phối Tổng hợp Dầu khí - công ty con của Tổng Công ty phát hành bổ sung cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.



Cao Thanh Hùng
Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2013



Đào Văn Đại
Kế toán trưởng



Phùng Tuấn Hà
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005338 ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 13 số 0300452060 ngày 27 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty Nhà nước thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PetroVietnam").

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 2.530 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 2.682).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm: mua bán thiết bị viễn thông; đại lý du lịch; chế biến, mua bán nước sinh hoạt; sản xuất cồn thực phẩm, cồn công nghiệp, cồn nhiên liệu; kinh doanh chiết nạp khí hóa lỏng (không hoạt động tại trụ sở); cho thuê kho bãi, nhà xưởng, mặt bằng, văn phòng; kinh doanh nhà ở, văn phòng đại diện, kinh doanh bất động sản; mua bán thực phẩm, nhu yếu phẩm, hải sản; chế biến nông sản, lương thực (không sản xuất chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở); mua bán máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, vật tư, trang thiết bị văn phòng, thiết bị nghe nhìn, máy móc, thiết bị phục vụ vệ sinh công nghiệp; linh kiện sử dụng cho vỏ bình khí; bán buôn máy thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện; dịch vụ vui chơi giải trí (trừ karaoke, tổ chức đánh bạc); xây dựng nhà các loại; kinh doanh xăng dầu; điều hành tour du lịch; hoạt động xuất khẩu lao động, cung ứng lao động; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch; sản xuất thức ăn gia súc (không hoạt động tại trụ sở); vệ sinh khu nhà và các công trình; quản lý bất động sản; cho thuê phương tiện vận tải; mua bán nông sản; mua bán lương thực; bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; bán buôn phân đạm, hóa chất dùng trong công nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất độc hại mạnh); mua bán nhiên liệu sinh học, khí CO₂, NH₃ (không hoạt động tại trụ sở); bán buôn nhựa tổng hợp, chất dẻo dạng nguyên sinh, hóa chất công nghiệp, tơ, sợi dệt; mua bán phương tiện vận tải, xe chuyên dùng; đại lý mua bán hàng hóa; sản xuất vỏ bình khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; duy tu, sửa chữa, gia công cơ khí - điện - nước và chống ăn mòn kim loại (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); đào tạo nghề; sản xuất nhiên liệu sinh học, khí CO₂, NH₃ (không hoạt động tại trụ sở); đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa; dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; đại lý làm thủ tục hải quan; đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan đến hậu cần; dịch vụ kiểm đếm, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ môi giới hàng hải; vận tải đa phương thức quốc tế; sản xuất bao bì từ plastic (trừ tái chế phế thải); kinh doanh khách sạn; chế biến hải sản (không sản xuất chế biến thực phẩm tươi sống, gây ô nhiễm môi trường tại trụ sở); vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; lắp đặt các công trình dầu khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); sửa chữa máy móc, thiết bị; bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ radio, cassette, tivi, loa, thiết bị âm thanh nổi, máy nghe nhạc, đầu video, đầu đĩa CD, DVD.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI****Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty từ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 01 năm.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay, chi phí phải trả và công nợ tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 (%)
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20
Máy móc, thiết bị	14,2 - 20
Phương tiện vận tải	14,2 - 20
Dụng cụ quản lý	25 - 33
Tài sản cố định khác	25 - 33

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không phải tính khấu hao. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ ba (03) đến tám (08) năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm lợi thế kinh doanh phát sinh khi thực hiện xác định giá trị các công ty con để chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty TNHH sang công ty cổ phần, các khoản trả trước tiền thuê văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi thực hiện xác định giá trị các công ty con để chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty TNHH sang công ty cổ phần đối với Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA), Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (Petrosetco Vũng Tàu) và Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung (PSMT) với số tiền tương ứng là 6.006.130.380 VND, 12.595.093.168 VND và 33.235.767.000 VND. Lợi thế kinh doanh phát sinh tại các đơn vị trên được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian tương ứng là 3 năm, 5 năm và 10 năm.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng bao gồm:

- Khoản trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m² sàn tại tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.
- Khoản trả trước một phần cho Viện Dầu khí Việt Nam để thuê 568 m² sàn tại tầng 15, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173, phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội trong thời gian 50 năm kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2010. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí trả trước dài hạn (Tiếp theo)**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, tiền thuê kho Hồ Nai - Đồng Nai và tiền thuê đất trả trước tại Vũng Tàu được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc trừ (-) dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 11/NQ-DVTHDK- ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2013, Tổng Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 với tỷ lệ như sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6% lợi nhuận sau thuế
Quỹ đầu tư phát triển	10% lợi nhuận sau thuế
Quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	63.032.225.119	2.761.669.202
Tiền gửi ngân hàng	147.983.036.490	288.622.086.667
Các khoản tương đương tiền	1.095.800.355.452	838.526.373.872
	<u>1.306.815.617.061</u>	<u>1.129.910.129.741</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng.

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, Tổng Công ty đã sử dụng một phần số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí (i)	39.500.000.000	39.500.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí (i)	10.400.000.000	10.400.000.000
	<u>49.900.000.000</u>	<u>49.900.000.000</u>

(i) Theo Quyết định số 313/QĐ-DVTHDK-HĐQT và số 314/QĐ-DVTHDK-HĐQT ngày 26 tháng 12 năm 2011, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty quyết định sẽ giải thể Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí ("Petrosetco Thương mại") và Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí ("Petrosetco Sài Gòn") kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012. Hiện tại, Petrosetco Thương mại và Petrosetco Sài Gòn đang làm các thủ tục quyết toán thuế để chính thức giải thể trong năm 2013. Theo đó, giá trị khoản đầu tư vào Petrosetco Thương mại và Petrosetco Sài Gòn sẽ được trình bày tại khoản mục "Đầu tư ngắn hạn" trên Bảng cân đối kế toán

7. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí	29.882.192.415	29.882.192.415
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí	1.641.016.490	1.641.016.490
	<u>31.523.208.905</u>	<u>31.523.208.905</u>

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự án Biển Đông	77.197.500.000	-
Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam	47.001.729.338	38.720.510.028
Công ty Liên doanh Điều hành Cừ Long	28.756.717.825	-
Nokia Corporation	-	25.810.950.049
Khác	77.217.506.675	32.072.322.943
	<u>230.173.453.838</u>	<u>96.603.783.020</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	2.915.589.600	120.248.887.628
Nguyên liệu, vật liệu	6.650.299.886	14.949.014.186
Công cụ, dụng cụ	515.471.980	643.584.974
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	338.250.000	-
Thành phẩm	73.631.913	129.849.756
Hàng hoá	1.217.908.121.660	717.557.663.574
Hàng gửi bán	80.767.959.973	189.213.250.576
Cộng	1.309.169.325.012	1.042.742.250.694
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(15.717.357.956)	(18.270.828.587)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	1.293.451.967.056	1.024.471.422.107

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 16, Tổng Công ty đã thế chấp một phần giá trị hàng tồn kho để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam và Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered Việt Nam.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	164.093.354.069	80.162.631.836	84.552.359.302	16.741.331.512	2.209.615.828	347.759.292.547
Mua trong kỳ	-	465.369.908	-	528.840.392	765.168.548	1.759.378.848
Tăng khác	-	-	-	294.222.726	-	294.222.726
Thanh lý	-	(2.491.067.680)	(1.073.504.207)	(291.193.695)	-	(3.855.765.582)
Giảm tài sản tại PET Hà Nội (i)	(2.455.380.349)	(630.651.395)	-	-	-	(3.086.031.744)
Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC (ii)	(619.428.480)	(1.790.449.287)	(103.246.091)	(4.703.011.048)	-	(7.216.134.906)
Tại ngày 30/6/2013	161.018.545.240	75.715.833.382	83.375.609.004	12.570.189.887	2.974.784.376	335.654.961.889
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	58.742.984.552	49.190.676.887	54.069.720.347	13.360.001.897	141.920.561	175.505.304.244
Khấu hao trong kỳ	3.138.507.075	5.429.815.645	5.234.177.930	1.216.338.094	402.430.108	15.421.268.852
Thanh lý	-	(2.343.905.830)	(1.014.433.232)	(138.575.468)	-	(3.496.914.530)
Giảm tài sản tại PET Hà Nội (i)	(767.948.869)	(612.648.433)	-	-	-	(1.380.597.302)
Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC (ii)	(255.842.182)	(1.191.786.866)	(70.898.336)	(3.778.211.147)	-	(5.296.738.531)
Tại ngày 30/6/2013	60.857.700.576	50.472.151.403	58.218.566.709	10.659.553.376	544.350.669	180.752.322.733
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2013	100.160.844.664	25.243.681.979	25.157.042.295	1.910.636.511	2.430.433.707	154.902.639.156
Tại ngày 31/12/2012	105.350.369.517	30.971.954.949	30.482.638.955	3.381.329.615	2.067.695.267	172.253.988.303

(i) Tổng Công ty đã chuyển nhượng lại toàn bộ phần vốn góp (tỷ lệ góp vốn 100%) tại Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí Hà Nội cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV-Oil). Việc chuyển nhượng đã hoàn thành trong quý II năm 2013.

(ii) Phân loại các tài sản cố định có nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu VND sang công cụ, dụng cụ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Nguyên giá các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 33.275.258.397 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 54.214.857.471 VND).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	119.407.634.699	2.508.439.150	-	121.916.073.849
Tăng trong kỳ	-	380.247.273	38.000.000	418.247.273
Giảm tài sản tại PET Hà Nội	(16.109.508.265)	-	-	(16.109.508.265)
Giảm khác	-	(244.897.800)	-	(244.897.800)
Tại ngày 30/6/2013	103.298.126.434	2.643.788.623	38.000.000	105.979.915.057
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	503.910.253	1.952.419.007	-	2.456.329.260
Khấu hao trong kỳ	161.159.202	193.352.314	1.055.556	355.567.072
Giảm khác	-	(122.196.938)	-	(122.196.938)
Tại ngày 30/6/2013	665.069.455	2.023.574.383	1.055.556	2.689.699.394
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2013	102.633.056.979	620.214.240	36.944.444	103.290.215.663
Tại ngày 31/12/2012	118.903.724.446	556.020.143	-	119.459.744.589

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Dự án CapePearl (i)	18.580.987.533	16.349.341.923
Các công trình khác	986.038.852	722.570.671
	19.567.026.385	17.071.912.594

(i) Tên cũ là “Dự án Petrosetco Tower Thanh Đa”.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

Công ty con	Nơi thành lập, đăng ký và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	Tp. HCM	79,87%	79,87%	Phân phối thiết bị điện tử viễn thông
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	Tp. HCM	100%	100%	Thương mại, dịch vụ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	Vũng Tàu	70%	70%	Cung cấp dịch vụ
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	Quảng Ngãi	89%	89%	Thương mại và dịch vụ
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	Hà Nội	88,2%	88,2%	Quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà
Công ty TNHH Petrosetco - SSG	Tp. HCM	51%	51%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh (i)	Tp. HCM	50%	50%	Thiết bị, linh kiện điện tử, thiết bị ngoại vi, phần mềm
Công ty Cổ phần Dịch vụ bán lẻ Dầu khí	Tp. HCM	58,2%	60%	Bán lẻ điện thoại

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (Tiếp theo)**

- (i) Tổng Công ty cam kết góp đủ phần vốn tương đương 50% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh. Tổng Công ty sở hữu 50% vốn góp của Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh, tuy nhiên, Tổng Công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị của công ty này (3/5 thành viên Hội đồng Quản trị của công ty này là người đại diện của Tổng Công ty). Theo đó, Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh vẫn thuộc sự kiểm soát của Tổng Công ty.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí	16.500.000.000	18.410.012.180
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	17.578.526.406	17.201.849.827
	34.078.526.406	35.611.862.007

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập, đăng ký và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí	Quảng Ngãi	30	30	Quản lý và khai thác nhà ở
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	Bà Rịa-Vũng Tàu	24	24	Dịch vụ cho thuê văn phòng

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng (i)	164.175.119.990	176.372.341.428
Chênh lệch đánh giá lại tài sản (ii)	32.225.393.574	36.147.712.964
Chi phí trả trước dài hạn khác	70.011.578.643	46.542.042.047
	266.412.092.207	259.062.096.439

- (i) Bao gồm các khoản sau:

- Khoản trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m² sàn tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.
- Khoản trả trước một phần cho Viện Dầu khí Việt Nam để thuê 568 m² sàn tại tầng 15, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173, phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội trong thời gian 50 năm kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2010. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

- (ii) Khi thực hiện đánh giá lại giá trị tài sản để chuyển đổi hình thức sở hữu đối với Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA), Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (Petrosetco Vũng Tàu) và Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung (PSMT), khoản lợi thế kinh doanh phát sinh với số tiền tương ứng là 6.006.130.380 VND, 12.595.093.168 VND và 33.235.767.000 VND. Tổng Công ty phản ánh giá trị lợi thế kinh doanh này trên khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" và thực hiện phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian tương ứng là 3 năm, 5 năm và 10 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn (i)		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	533.523.864.945	528.709.916.496
Ngân hàng Indovina - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	184.760.928.257	127.505.691.581
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB)	69.073.092.662	68.196.459.109
Ngân hàng TNHH HSBC Việt Nam	419.721.987.605	388.125.455.626
Ngân hàng TNHH ANZ Việt Nam	410.135.963.082	305.159.533.539
Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam	285.761.011.316	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	138.787.125.220	-
	2.041.763.973.087	1.417.697.056.351

- (i) Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại dưới hình thức vay ngắn hạn hoặc phát hành tín dụng thư, lãi suất vay được xác định theo lãi suất do các ngân hàng công bố tại thời điểm giải ngân hoặc điều chỉnh theo lãi suất thỏa thuận. Khoản vay tại Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered Việt Nam và Ngân hàng TNHH ANZ Việt Nam được đảm bảo bằng một phần giá trị hàng tồn kho (Thuyết minh số 9), khoản vay tại Ngân hàng TNHH HSBC Việt Nam được đảm bảo bằng một phần khoản phải thu khách hàng và khoản vay tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hồ Chí Minh được đảm bảo bằng một phần tiền gửi ngân hàng (Thuyết minh số 5), các khoản vay còn lại không có tài sản đảm bảo.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2013
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	21.027.766.511	163.750.318.116	163.977.388.683	20.800.695.944
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.946.705.902	40.560.413.549	53.038.842.198	23.468.277.253
Thuế thu nhập cá nhân	1.799.027.622	22.581.874.989	21.747.093.806	2.633.808.805
Thuế khác	296.436.907	2.139.480.636	2.301.620.517	134.297.026
	59.069.936.942	229.032.087.290	241.064.945.204	47.037.079.028

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải trả cổ tức	40.451.127.100	908.580.600
Phải trả đại lý, khách hàng	30.490.183.860	41.932.728.345
Các khoản thu/chi hộ nhà cung cấp	12.180.770.192	6.887.612.555
Khác	61.566.246.145	29.789.080.629
	144.688.327.297	79.518.002.129

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	698.420.000.000	128.358.940.301	33.678.648.352	(9.150.605.990)	68.669.949.370	839.728.344	273.774.504.461	1.212.217.645.077
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	212.564.050.432	212.564.050.432
Phân phối cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	(1.840.855.924)	(72.603.158)	(19.937.656.009)	(21.851.115.091)
Trích bổ sung quỹ 2011	-	-	-	-	611.971.127	-	(4.383.568.342)	(3.771.597.215)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(124.295.616.000)	(124.295.616.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	-	(17.626.480.239)
Tạm phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ (i)	-	-	9.233.003.634	-	18.466.007.266	-	(42.407.589.235)	(14.708.578.335)
Tạm phân phối lợi nhuận tại các Công ty con	-	-	-	-	9.868.634.061	-	(16.560.684.582)	(6.692.050.521)
Công ty con sử dụng quỹ để bù đắp các khoản công nợ	-	-	-	-	-	(186.325.915)	-	(186.325.915)
Thay đổi do thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	-	5.564.073.290	5.564.073.290
Số dư tại ngày 31/12/2012	698.420.000.000	128.358.940.301	42.911.651.986	(9.150.605.990)	95.775.705.900	580.799.271	284.317.514.015	1.241.214.005.483
Phát hành cổ phiếu tăng vốn	-	26.629.057.350	-	-	-	-	-	26.629.057.350
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	113.631.704.402	113.631.704.402
Phân phối cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	(736.529.565)	-	(17.877.170.141)	(18.613.699.706)
Bán cổ phiếu quỹ (iii)	-	5.559.112.313	-	9.150.605.990	-	-	-	14.709.718.303
Chia cổ tức trong kỳ (ii)	-	-	-	-	-	-	(110.484.992.000)	(110.484.992.000)
Phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ (i)	-	-	-	-	-	-	372.568.928	372.568.928
Phân loại lại (i)	-	-	(42.911.651.986)	-	-	42.911.651.986	-	-
Tạm phân phối lợi nhuận tại các công ty con	-	-	-	-	310.218.871	-	(744.525.291)	(434.306.420)
Biến động do thay đổi quỹ của Công ty LDLK	-	-	-	-	(852.733.992)	-	(205.314.156)	(1.058.048.148)
Giảm do thoái vốn tại Công ty con (PET HN)	-	-	-	-	(74.682.525)	-	(26.891.303)	(101.573.828)
Số dư tại ngày 30/6/2013	698.420.000.000	160.547.109.964	-	-	94.421.978.689	43.492.451.257	268.982.894.454	1.265.864.434.364

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

- (i) Theo Nghị quyết số 06/NQ-DVTHDK-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty tạm phân phối Quỹ thưởng hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận từ lợi nhuận năm 2012 với số tiền 3.628.973.971 VND.

Theo Nghị quyết số 11/NQ-DVTHDK-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2013 Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty quyết định chuyển toàn bộ số dư Quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sang quỹ dự phòng tài chính số tiền 42.911.651.986 VND, trích Quỹ thưởng hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận từ lợi nhuận 2012 là 3.256.405.043 VND.

Tổng Công ty điều chỉnh giảm Quỹ thưởng hoàn thành vượt kế hoạch đã tạm trích và hạch toán vào Báo cáo tài chính năm 2012 so với số tiền được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt số tiền là 372.568.928 VND.

- (ii) Theo Nghị quyết số 11/NQ-DVTHDK-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2013, Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty quyết định mức chi trả cổ tức của năm 2012 bằng tiền mặt với tỷ lệ 16% trên vốn điều lệ, tương đương 110.484.992.000 VND. Trong kỳ, Tổng Công ty đã chi trả cổ tức số tiền 70.048.513.236 VND, phần cổ tức chưa thanh toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 được theo dõi trên tài khoản "Các khoản phải trả, phải nộp khác".

- (iii) Theo Nghị quyết số 09/NQ-DVTHDK ngày 01 tháng 4 năm 2013 của Hội đồng Quản trị về việc chấp thuận bán cổ phiếu quỹ, Tổng Công ty đã bán số lượng 788.880 cổ phần tương ứng giá trị cổ phiếu quỹ 9.150.605.990 VND, chênh lệch giữa giá bán và giá gốc của cổ phiếu quỹ được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần số tiền 5.559.112.313 VND.

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

	30/6/2013	31/12/2012
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	69.842.000	69.842.000
+ Cổ phiếu phổ thông	69.842.000	69.842.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	788.880
+ Cổ phiếu phổ thông	-	788.880
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.842.000	69.053.120
+ Cổ phiếu phổ thông	69.842.000	69.053.120
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 13 số 0300452060 ngày 27 tháng 11 năm 2012, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 699 tỷ VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	30/6/2013		31/12/2012	
	Số tiền (VND)	%	Số tiền (VND)	%
Tập đoàn dầu khí Việt Nam	246.092.850.000	35,24	246.092.850.000	35,24
Các cổ đông khác	452.327.150.000	64,76	452.327.150.000	64,76
	698.420.000.000	100	698.420.000.000	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vốn điều lệ	108.910.000.000	80.033.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	6.711.442.650	-
Quỹ đầu tư phát triển	3.352.564.798	2.574.532.029
Quỹ dự phòng tài chính	185.640.994	185.640.994
Lợi nhuận chưa phân phối	24.281.585.998	6.401.882.468
	<u>143.441.234.440</u>	<u>89.195.055.491</u>

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Tổng Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 5 bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh hàng điện tử, bộ phận cung cấp thiết bị vật tư cho ngành dầu khí, bộ phận kinh doanh hạt nhựa và xơ sợi, bộ phận phân phối gas và bộ phận khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo năm bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của năm bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh hàng điện tử: phân phối hàng điện tử (chủ yếu là điện thoại di động, máy tính xách tay);

Bộ phận cung cấp thiết bị vật tư cho ngành dầu khí: cung cấp vật tư, thiết bị cho ngành dầu khí;

Bộ phận kinh doanh hạt nhựa và xơ sợi: hoạt động thương mại liên quan đến hạt nhựa PP và xơ sợi;

Bộ phận phân phối gas: phân phối, sang chiết gas, nhiên liệu hóa lỏng;

Bộ phận khác: các bộ phận kinh doanh khác tại Tổng Công ty.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
 Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động
 từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013:

	Hàng điện tử		Vật tư thiết bị ngành dầu khí		Hạt nhựa, Xơ sợi		Phân phối Gas		Dịch vụ khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Tài sản														
Tài sản bộ phận	2.662.043.044.744		297.274.748.272		315.946.719.413		246.793.269.378		485.371.471.059		(727.416.974.330)		3.280.012.278.536	
Tài sản không phân bổ	-		-		-		-		-		-		1.416.452.012.823	
Tổng tài sản hợp nhất													4.696.464.291.359	
Nợ phải trả														
Nợ phải trả bộ phận	2.341.373.302.715		252.276.933.457		303.250.348.943		175.652.227.842		218.369.922.456		(318.052.532.634)		2.972.870.202.780	
Nợ phải trả không phân bổ	-		-		-		-		-		-		314.288.419.775	
Tổng nợ phải trả hợp nhất													3.287.158.622.555	

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	Hàng điện tử		Vật tư thiết bị ngành dầu khí		Hạt nhựa, Xơ sợi		Phân phối Gas		Dịch vụ khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Tài sản														
Tài sản bộ phận	2.183.946.708.711		379.190.981.145		279.302.240.806		270.324.101.503		489.265.382.978		(778.918.288.190)		2.823.111.126.953	
Tài sản không phân bổ	-		-		-		-		-		-		1.443.537.112.792	
Tổng tài sản hợp nhất													4.266.648.239.745	
Nợ phải trả														
Nợ phải trả bộ phận	2.011.598.521.340		348.601.095.313		266.936.625.666		199.056.226.534		217.373.383.078		(364.243.257.652)		2.679.322.594.279	
Nợ phải trả không phân bổ	-		-		-		-		-		-		256.916.584.492	
Tổng nợ phải trả hợp nhất													2.936.239.178.771	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013:

	Hàng điện tử VND	Vật tư thiết bị ngành dầu khí VND	Hạt nhựa, Xơ sợi VND	Phân phối Gas VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ							
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	3.074.155.461.490	630.561.062.434	829.391.088.406	409.733.707.265	670.154.786.031	(152.785.734.840)	5.461.210.370.786
Tổng doanh thu	3.074.155.461.490	630.561.062.434	829.391.088.406	409.733.707.265	670.154.786.031	(152.785.734.840)	5.461.210.370.786
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	2.872.263.440.573	613.622.656.380	801.661.145.247	403.875.755.086	540.101.716.026	(130.392.726.318)	5.101.131.986.994
Kết quả hoạt động kinh doanh							
Kết quả kinh doanh bộ phận	201.892.020.917	16.938.406.054	27.729.943.159	5.857.952.179	130.053.070.005	(22.393.008.522)	360.078.383.792
Chi phí không phân bổ							198.067.819.186
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							162.010.564.606
Doanh thu từ các khoản đầu tư							44.812.737.616
Lợi nhuận khác							7.980.039.624
Chi phí tài chính							60.611.223.895
Lợi nhuận trước thuế							154.192.117.951
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							40.560.413.549
Lợi nhuận trong kỳ							113.631.704.402

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN/HN

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012:

	Hàng điện tử	Vật tư thiết bị ngành dầu khí	Hạt nhựa, Xơ sợi	Phân phối Gas	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ							
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.753.573.380.099	583.630.735.861	650.723.208.894	445.807.626.441	837.823.636.208	(65.242.671.253)	5.206.315.916.250
Tổng doanh thu	2.753.573.380.099	583.630.735.861	650.723.208.894	445.807.626.441	837.823.636.208	(65.242.671.253)	5.206.315.916.250
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	2.543.905.164.628	505.857.036.763	643.163.837.527	411.766.674.035	741.335.500.601	(41.392.880.374)	4.804.635.333.180
Kết quả hoạt động kinh doanh	209.668.215.471	77.773.699.098	7.559.371.367	34.040.952.406	96.488.135.607	(23.849.790.879)	401.680.583.070
Kết quả kinh doanh bộ phận							212.175.166.863
Chi phí không phân bổ							189.505.416.207
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							24.228.010.410
Doanh thu từ các khoản đầu tư							7.796.401.832
Lợi nhuận khác							70.198.941.533
Chi phí tài chính							151.330.886.916
Lợi nhuận trước thuế							48.030.377.839
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							
Lợi nhuận trong kỳ							103.300.509.077

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.285.418.586	25.363.184.549
Chi phí nhân công	157.718.060.011	111.692.401.192
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.776.835.924	21.722.728.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.217.121.128	108.046.740.990
Chi phí khác bằng tiền	64.313.568.987	55.256.840.521
	389.311.004.636	322.081.895.891

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	30.844.430.926	9.680.726.686
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.605.142.696	8.121.145.339
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	394.909.402
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.926.394.464	5.009.641.591
	44.375.968.086	23.206.423.018

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	46.678.300.306	55.657.306.670
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.662.372.091	7.749.098.609
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	951.672.863	-
Chi phí tài chính khác	8.318.878.635	6.792.536.254
	60.611.223.895	70.198.941.533

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	154.192.117.951	151.330.886.916
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>	<i>8.486.305.775</i>	<i>33.740.506.578</i>
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	9.621.521.820	30.875.565.853
- Hoàn nhập dự phòng	(2.553.470.630)	-
- Lỗ không tính thuế	1.418.254.585	2.864.940.725
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(436.769.530)</i>	<i>(394.909.402)</i>
- Thu nhập không chịu thuế	(436.769.530)	(394.909.402)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	162.241.654.196	184.676.484.092
<i>Thu nhập chịu thuế suất 25%</i>	<i>162.241.654.196</i>	<i>184.676.484.092</i>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	-	1.861.256.816
Chi phí thuế thu nhập hiện hành phải nộp trong kỳ	40.560.413.549	48.030.377.839

Tổng Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là số liệu tạm tính. Tổng Công ty sẽ xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp chính thức khi lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của công ty mẹ	92.502.477.507	95.533.437.578
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	69.254.723	69.053.120
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.336	1.383

27. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Quyết định số 2759/QĐ-CT-TTr1-N4 ngày 03 tháng 7 năm 2012 của Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh về việc “xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính qua thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế” đối với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (“PSD”)) - công ty con của Tổng Công ty cho kỳ từ năm 2008 đến năm 2011, PSD sẽ bị truy thu thuế và phạt vi phạm pháp luật về thuế.

Do chưa thống nhất một số nội dung trong Quyết định xử phạt nêu trên, ngày 09 tháng 11 năm 2012 PSD đã gửi công văn tới Tổng Cục thuế để làm rõ vấn đề này. Theo Quyết định số 1061/QĐ-TCT ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Tổng Cục thuế về việc “Giải quyết khiếu nại của Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí”, việc tính toán chưa đúng số thuế phải nộp của PSD như trên là do vướng mắc phát sinh từ việc hướng dẫn của chính sách chưa được rõ ràng, do vậy nội dung khiếu nại của PSD gửi Tổng Cục thuế là đúng một phần.

Hiện tại, PSD đang tiếp tục gửi công văn tới Bộ Tài chính để có kết luận cuối cùng về vấn đề này. Do vậy, việc xác định số thuế phải nộp bổ sung từ năm 2008 đến năm 2011 của PSD (nếu có) sẽ căn cứ vào quyết định của Bộ Tài chính.

28. CÁC KHOẢN CAM KẾT

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	13.228.529.917	13.855.553.237

Ngày 29 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty ký Phụ lục hợp đồng số 10020/2010/HD-DKVN thuê văn phòng làm việc và cho thuê với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại tòa nhà Petro Viet Nam Tower số 1-5 Lê Duẩn, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng diện tích thuê giảm xuống còn 2.619,37 m² (ban đầu là 4.844,36 m²), thời gian thuê là 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010. Tổng số tiền Tổng Công ty phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (chưa bao gồm thuế GTGT) là 185.727.354.531 VND.

Ngày 12 tháng 7 năm 2011, Tổng Công ty ký thêm Hợp đồng thuê văn phòng làm việc và cho thuê số 6211/2011/HĐ-DKVN với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, thuê thêm tầng 2 và một phần tầng 6 của tòa nhà PetroVietnam số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng diện tích thuê thêm là 2.224,99 m² số tiền thuê là 51.174,77 USD/tháng (tương đương 1.065.868.110 VND/tháng).

Ngày 29 tháng 11 năm 2012, Tổng Công ty ký Phụ lục sửa đổi bổ sung cho Hợp đồng thuê văn phòng làm việc và cho thuê số 6211/2011/HĐ-DKVN với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tổng diện tích thuê là 2.224,99 m², số tiền thuê là 934.494.800 VND/tháng, phụ lục hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2012.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. CÁC KHOẢN CAM KẾT (Tiếp theo)

Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển - Công ty con của Tổng Công ty ký hợp đồng với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 1.245,86 m² tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê là 420.000 VND/m²/tháng, thời hạn thuê từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 20 tháng 8 năm 2017.

Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí - Công ty con của Tổng Công ty ký hợp đồng với Viện Dầu khí Việt Nam để thuê 568 m² tại tầng 15, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173, phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội trong thời gian 50 năm kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2010.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	27.385.097.678	29.812.770.064
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	95.099.074.951	98.238.642.151
Sau năm năm	618.761.569.057	626.422.859.389
	741.245.741.686	754.474.271.604

Cam kết bảo lãnh tín dụng

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty có cam kết bảo lãnh không hủy ngang đối với các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam, Ngân hàng TNHH Indovina, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Bên cho vay") của các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là "Bên được bảo lãnh"). Theo đó, Tổng Công ty có trách nhiệm hoàn trả số gốc vay, lãi vay, chi phí bảo lãnh và các chi phí khác cho Bên cho vay trong trường hợp Bên được bảo lãnh không thanh toán hoặc thanh toán chậm trễ.

Hạn mức tín dụng thể hiện trên chứng thư bảo lãnh của Tổng công ty như sau:

Chứng thư, hợp đồng bảo lãnh	Ngày	Công ty được bảo lãnh	Hạn mức bảo lãnh
VNM 09121	N/A	Các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	17.000.000 USD
118/2013/HDHM/CIB-HCM	24/4/2013	Các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	200.000.000.000 VND
47/0413/HĐBL	25/4/2013	Các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	20.000.000 USD
25A/DVTHDK-TCKT	09/01/2013	Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	150.000.000.000 VND
265A/DVTHDK-TCKT	02/5/2013	Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam	20.000.000.000 VND
339A/DVTHDK-TCKT	10/6/2013	Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	400.000.000.000 VND
339B/DVTHDK-TCKT	10/6/2013	Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	600.000.000.000 VND
346A/DVTHDK-TCKT	11/6/2013	Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí và Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	400.000.000.000 VND

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản vay	2.041.763.973.087	1.417.697.056.351
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.306.815.617.061	1.129.910.129.741
Nợ thuần	734.948.356.026	287.786.926.610
Vốn chủ sở hữu	1.265.864.434.364	1.241.214.005.483
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,58	0,23

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.306.815.617.061	1.129.910.129.741
Các khoản đầu tư	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.170.527.064.823	1.083.055.629.148
Tài sản tài chính khác	11.322.309.298	7.369.500.650
Tổng cộng	2.490.664.991.182	2.222.335.259.539
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	2.041.763.973.087	1.417.697.056.351
Phải trả người bán và phải trả khác	959.666.483.961	898.143.288.983
Chi phí phải trả	37.248.417.464	8.121.828.868
Công nợ tài chính khác	44.341.626.714	17.507.701.889
Tổng cộng	3.083.020.501.226	2.341.469.876.091

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ/năm tài chính như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	45.163.371.103	134.670.153.531	235.163.983.849	1.584.784.988.833
Euro (EUR)	11.125.610	439.615.217	-	198.532.463
Bảng Anh (GBP)	6.602.882	6.826.048	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10%, trong khi các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng là 19.000.061.275 VND (2012: giảm/tăng 145.011.483.530 VND).

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty biến động như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Độ nhạy của lãi suất (Tiếp theo)

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013		
VND	+200	(40.835.279.462)
VND	-200	40.835.279.462
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012		
VND	+200	(28.353.941.127)
VND	-200	28.353.941.127

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư,... Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần ngoại trừ các khoản đầu tư tại Thuyết minh số 6.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty có một số khoản phải thu khách hàng đã quá hạn thanh toán, theo đó Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền là 15.717.357.956 VND.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
30/6/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.306.815.617.061	-	1.306.815.617.061
Các khoản đầu tư	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.170.527.064.823	-	1.170.527.064.823
Tài sản tài chính khác	3.228.774.205	8.093.535.093	11.322.309.298
	2.480.571.456.089	10.093.535.093	2.490.664.991.182
30/6/2013			
Các khoản vay	2.041.763.973.087	-	2.041.763.973.087
Phải trả người bán và phải trả khác	959.666.483.961	-	959.666.483.961
Chi phí phải trả	37.248.417.464	-	37.248.417.464
Công nợ tài chính khác	-	44.341.626.714	44.341.626.714
	3.038.678.874.512	44.341.626.714	3.083.020.501.226
Chênh lệch thanh khoản thuần	(558.107.418.423)	(34.248.091.621)	(592.355.510.044)
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.129.910.129.741	-	1.129.910.129.741
Các khoản đầu tư	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.083.055.629.148	-	1.083.055.629.148
Tài sản tài chính khác	323.726.620	7.045.774.030	7.369.500.650
	2.213.289.485.509	9.045.774.030	2.222.335.259.539
31/12/2012			
Các khoản vay	1.417.697.056.351	-	1.417.697.056.351
Phải trả người bán và phải trả khác	898.143.288.983	-	898.143.288.983
Chi phí phải trả	8.121.828.868	-	8.121.828.868
Công nợ tài chính khác	-	17.507.701.889	17.507.701.889
	2.323.962.174.202	17.507.701.889	2.341.469.876.091
Chênh lệch thanh khoản thuần	(110.672.688.693)	(8.461.927.859)	(119.134.616.552)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, công nợ tài chính vượt quá tài sản tài chính với số tiền là 558.107.418.423 VND. Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức chấp nhận được. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động
 từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Bán hàng		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	58.634.883.404	60.916.689.115
Các đơn vị thành viên Petro Việt Nam		
Công ty Cổ phần PVI	11.150.000	2.382.030.004
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	12.952.601.883	1.277.539.389
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	8.341.230.620	8.195.312.612
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	9.002.349.455	5.923.854.543
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	8.573.250.000
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	37.161.498.716	3.093.064.655
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	344.520.478.972	352.862.134.751
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	41.645.738.214	31.076.913.920
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	5.741.473.910	6.262.567.387
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	72.735.375	15.117.408.438
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	3.960.832.453	3.493.128.407
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	2.536.060.040	2.641.450.056
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	3.341.830.319	3.996.837.983
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	14.460.466.494	11.234.133.692
Tổng Công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	856.826.999	1.510.076.166
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	13.449.875.544	14.034.506.337
Tổng Công ty Thăm dò khai thác Dầu khí	10.719.551.516	11.561.996.819
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.498.843.000	82.069.150
Trường đại học Dầu khí Việt Nam	1.636.401.001	1.799.025.294
Viện Dầu khí Việt Nam	8.264.107.517	12.331.285.659
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	5.606.974.800	13.373.835.232
Các đơn vị thành viên Petro Việt Nam		
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	606.895.867.789	530.586.478.876
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	21.837.967.489
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	86.667.628.361	8.171.010.705
Tổng Công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	84.936.075.000	57.891.142.860
Vay vốn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - nhận nợ vay	10.000.000.000	500.000.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - hoàn trả nợ vay	10.000.000.000	18.930.229.527
Các nghiệp vụ khác		
Phí thương hiệu, phí quản lý phát sinh với Petro Việt Nam	-	2.776.396.020
Cổ tức phát sinh với Tập đoàn Dầu Khí	-	44.296.713.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	11.106.533.771	5.935.445.434
Viện Dầu khí Việt nam	2.464.925.854	4.291.440.705
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	6.501.454.269
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	571.135.453	-
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	5.660.504.967	3.752.481.289
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai Thác Dầu Khí PTSC	3.920.468.587	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC	7.800.222.592	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	3.685.954.800	6.009.771.772
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.580.461.300	1.463.566.400
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải	27.847.684.664	-
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	31.220.723.416	1.289.822.161
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	1.401.200.037	24.532.318.063
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	21.204.608.230	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	7.815.346.116	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	724.722.267	-
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	719.917.970	-
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.703.405.921	2.194.662.597
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.749.036.173	189.887.656.347
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	3.193.968.964	-
Tổng Công ty Thăm dò khai thác Dầu khí	3.153.384.871	4.543.511.635
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.195.880.160	1.479.401.660
Các khoản phải thu khác		
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	-	26.674.922.116
Viện Dầu khí Việt Nam	4.042.201.051	-
Phải trả người bán		
Cơ quan Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	11.812.370.251	3.814.296.491
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải	-	307.088.030.218
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	198.419.914.969	241.671.867.737
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	1.634.157.816	301.950.000
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	6.349.484	1.507.205.215
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	894.472.619	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	860.805.428	2.685.323.244
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	2.130.769.241	7.089.002.414
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	-	115.500.000
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	-	830.497.256
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	902.277.800
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	4.897.660.548
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	526.446.199
Viện Dầu khí Việt nam	-	6.968.647
Công ty Cổ phần PVI	-	101.298.721
Người mua trả tiền trước		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.335.169.000	-
Công ty TNHH một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn	583.354.200	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Lương thưởng và các khoản phúc lợi	2.754.389.003	2.399.143.138
	2.754.389.003	2.399.143.138

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được soát xét.



Cao Thanh Hùng
Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2013



Đào Văn Đại
Kế toán trưởng



Phùng Tuấn Hà
Tổng Giám đốc